TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124052	LÊ THỊ THU	HIỀN	DH10QL	1		10	7	8,5	8,4	8	4
20	09151041	NGUYỄN THU	HIỀN	DH09DC	2		10	8	8,5	8,6	8	6
21	10124056	CAO VĂN	HIẾU	DH10QL	2		9	8	7,0	7,4	7	4
22	10151110	PHAN THỊ	HOA	DH10DC	1		10	8	7,5	7,9	7	9
23	11333049	LƯƠNG MINH	HOÀNG	CD11CQ	1		9	8	5,5	6,4	6	4
24	07124037	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	DH08QL	1		9	8	4,5	5,7	5	7
25	09124026	PHAN VIẾT	HỒNG	DH09QL	1		10	8	7,5	7,9	7	9
26	10151065	NGUYỄN XUÂN	HUY	DH10DC	1		9	8	7,0	7,4	7	4
27	11333178	HÀ NHƯ	HUYỀN	CD11CQ	1		9	9	4,0	5,5	5	5
28	10124068	TRẦN NGUYỄN BÍCH	HUYỀN	DH10QL	1		9	8	6,5	7,1	7	1
29	08166109	LÊ VIẾT	NGỌC	CD08CQ	1		9	7	5,5	6,2	6	2

Số bài: 29 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chính

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02542

Ro 16/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (10 %)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124007	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	DH10QL	1		9	7	5,5	6,2	6	2
2	10124014	HUỲNH CÔNG	ÂN	DH10QL	1		9	8	6,5	7,1	7	1
3	11333014	THÁI THỊ HỒNG	CÚC	CD11CQ	1		10	8	7,5	7,9	7	9
4	10151003	LÊ CÔNG	DANH	DH10DC	1		9	8	5,0	6,0	6	0
5	10124023	VŨ HOÀNG	DIỆM	DH10QL	1		10	8	7,5	7,9	7	9
6	10151107	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH10DC	1		9	8	4,0	5,3	5	3
7	10124029	TRƯƠNG NHẬT	DUY	DH10QL	1		9	8	4,0	5,3	5	3
8	10124037	VÕ PHẠM NGỌC	ĐẠT	DH10QL	1		9	8	4,0	5,3	5	3
9	11333130	NGUYỄN ĐÌNH	ĐĂNG	CD11CQ	1		9	8	4,0	5,3	5	3
10	11333072	LÊ VĂN	ĐỊNH	CD11CQ	1		9	8	5,0	6,0	6	0
11	10151007	NGUYỄN HUỲNH CÔNG	ĐỨC	DH10DC	1		9	8	4,5	5,7	5	7
12	11333036	LÊ THỊ	HÀ	CD11CQ	1		9	8	6,0	6,7	6	7
13	11333165	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀ	CD11CQ	1		9	9	6,5	7,3	7	3
14	11333038	TẠ THỊ	HÀ	CD11CQ	1		9	8	5,5	6,4	6	4
15	10124047	TRƯƠNG VĂN	HẠNH	DH10QL	1		9	8	5,5	6,4	6	4
16	10124048	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	DH10QL	1		9	8	6,5	7,1	7	1
17	10124049	VÕ THỊ THU	HẰNG	DH10QL	1		10	7	7,5	7,7	7	7
18	11333173	HOÀNG THỊ NGỌC	HÂN	CD11CQ	1		9	8	6,5	7,1	7	1

Số bài: 29 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chinh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chinh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02562

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (60%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11333134	LÊ	VŨ	CD11CQ	1		9	8	2,0	3,9	3	9
38	11333030	NGUYỄN	VŨ	CD11CQ	1		9	8	3,5	5,0	5	0
39	08146130	TRỊNH MINH	VŨ	DH08QL	1		9	9	6,5	7,3	7	3

Số bài: 36 ; Số tờ: 42

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Vũ Thị Thu Hằng

Vũ Thị Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chinh

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Đặng Quang Chinh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02562

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124198	ĐẶNG NGUYỄN THANH	THƯ	DH10QL	1		9	8	6,0	6,7	6	7
20	11157035	LÊ THỊ THỦY	TIÊN	DH11DL	1		9	8	3,0	4,6	4	6
21	10124205	PHẠM NGỌC	TIẾN	DH10QL	1		9	8	3,0	4,6	4	6
22	11333164	TRẦN VĂN	TIẾN	CD11CQ	1		9	8	7,0	7,4	7	4
23	11333206	LÊ THỊ THÙY	TRANG	CD11CQ	1		9	9	5,0	6,2	6	2
24	11333156	PHAN THANH KIỀU	TRANG	CD11CQ	1		9	9	5,5	6,6	6	6
25	10124218	TRẦN THỊ THANH	TRANG	DH10QL	2		10	7	7,5	7,7	7	7
26	11333208	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	CD11CQ	1		9	8	4,0	5,3	5	3
27	10333145	HÀ VĂN	TRƯỜNG	CD10CQ	1		10	8	7,5	7,9	7	9
28	09124113	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	DH09QL	2		9	8	6,5	7,1	7	1
~~29~~	~~11333115~~	~~NGUYỄN VĂN~~	~~TUẤN~~	~~CD11CQ~~						Vắng		
30	11333129	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	CD11CQ	1		9	8	6,0	6,7	6	7
31	10124241	TRẦN THỊ	TUYẾT	DH10QL	2		10	8	8,5	8,6	8	6
32	10124243	NGUYỄN MẠNH	TƯỜNG	DH10QL	1		9	8	6,0	7,1	7	1
33	10124244	HUỲNH VĂN	TƯỢNG	DH10QL	1		9	8	3,0	4,6	4	6
34	10124277	SIU	Ú	DH10QL	1		9	8	5,5	6,4	6	4
35	10124247	NGUYỄN THỊ	VẸN	DH10QL	1		9	8	6,5	7,1	7	1
36	11333210	TSẦN TIỂU	VI	CD11CQ	1		9	8	3	4,6	4	6

Số bài: 36 ; Số tờ: 42

Cán bộ coi thi 1&2 — Ngô Thị Chí Tâm; Ngư Thị Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2 — Đặng Quang Chính

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02562

R 01/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 **Nhóm** Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (20 %)	Điểm thi (40 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11157423	HỒ THỊ XUÂN	QUỲNH	DH11DL	1		9	8	2,0	3,9	3	9
2	11333145	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	CD11CQ	1		9	9	5,0	6,2	6	2
3	10333137	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	CD10CQ	1		9	8	3,0	4,6	4	6
4	11333102	NGUYỄN THÀNH	SƠN	CD11CQ	1		9	8	3,5	5,0	5	0
5	10124165	NGUYỄN VĂN	SƠN	DH10QL	1		9	7	5,0	5,8	5	8
6	11333043	NGUYỄN XUÂN	SƠN	CD11CQ	1		9	8	5,5	6,4	6	4
7	11333016	PHẠM THẢO	SƯƠNG	CD11CQ	1		9	8	7,0	7,4	7	4
~~8~~	~~11333105~~	~~NGUYỄN THỊ THANH~~	~~TÂM~~	~~CD11CQ~~						Vắng		
9	10124169	PHAN THANH	TÂM	DH10QL	1		9	8	2,0	3,9	3	9
10	10151103	BÙI CHÂU	THANH	DH10DC	1		10	8	7,5	7,9	7	9
11	10124176	LÊ THỊ	THẢO	DH10QL	2		10	8	8,0	8,2	8	2
12	10124185	TRẦN VĂN	THI	DH10QL	1		9	8	6,5	7,1	7	1
13	10333054	ĐINH SỸ	THIẾT	CD10CQ	1		9	8	6,5	7,1	7	1
~~14~~	~~10124188~~	~~VÕ MAI HOÀNG~~	~~THỊNH~~	~~DH10QL~~						Vắng		
15	10333087	ĐINH KIM	THUẬN	CD10CQ	1		9	8	4,0	5,3	5	3
16	09124096	BÙI THỊ THANH	THÚY	DH09QL	2		10	8	8,5	8,6	8	6
17	10124196	ĐẶNG THỊ BÍCH	THÚY	DH10QL	2		10	8	8,0	8,2	8	2
18	10124197	HUỲNH THỊ MỘNG	THÚY	DH10QL	1		10	7	7,5	7,7	7	7

Số bài: 86 ; Số tờ: 42

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Vũ Chí Chí Tâm
Vũ Chí Hồng Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Thanh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Thanh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02541

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10151073	LÊ PHƯƠNG	THÚY	DH10DC	1		8	10	6	7,0	7	0
74	11333118	NGUYỄN KHẮC	TIỀN	CD11CQ	1		7	9	4	5,3	5	3
75	10151100	VŨ ĐĂNG	TIẾN	DH10DC	1		8	9	6	6,8	6	8
76	10151047	HOÀNG ĐÌNH	TÌNH	DH10DC	1		8	9	5	6,1	6	1
77	10151094	NGUYỄN CAO THANH	TRANG	DH10DC	2		8	9	9	8,9	8	9
78	10151089	NGUYỄN DƯƠNG THẢO	TRANG	DH10DC	2		9	10	8	8,5	8	5
79	10151077	NGUYỄN HỮU	TRÍ	DH10DC	1		9	10	7	7,8	7	8
80	10151105	LÊ THỊ THÚY	TRINH	DH10DC	2		8	9	9	8,9	8	9
81	08124088	ĐẶNG HUỲNH	TRUNG	DH08QL	1		8	9	5	6,1	6	1
82	10151104	LƯU QUANG	TRUNG	DH10DC	1		9	10	4	5,7	5	7
83	~~10151035~~	~~ĐOÀN HUY~~	~~TRƯỜNG~~	~~DH10DC~~								
84	10151036	TRẦN MINH	TÚ	DH10DC	1		7	9	5	6,0	6	0
85	10151096	MAI MỘNG	TUYỀN	DH10DC	1		8	9	5	6,1	6	1
86	10151037	MÃ THỊ CẨM	VÂN	DH10DC	2		9	9	8	8,3	8	3
87	10124255	PHẠM THỊ HÀ	XUYÊN	DH10QL	1		5	9	1	3,0	3	0
88	10151097	NGUYỄN HẠNH	YÊN	DH10DC	2		8	9	7	7,5	7	5
89	10333148	HUỲNH THANH BẢO	YẾN	CD10CQ	2		9	9	7	7,6	7	6
90	08166195	LƯU HẢI	YẾN	CD08CQ	2		7	9	3	4,6	4	6

Số bài: 89 ; Số tờ: 116

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02541

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 12/05/2012 **Giờ thi:** 07g00 - phút Phòng thi TV103 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10151026	NGUYỄN CÔNG THANH	PHONG	DH10DC	2		9	10	5	8,5	8	5
56	11333188	TRƯƠNG THANH	PHONG	CD11CQ	1		7	9	5	6,0	6	0
57	11333189	LÊ THANH	PHÚC	CD11CQ	1		6	9	0	2,4	2	4
58	10151027	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH10DC	1		7	8	4	5,1	5	1
59	11333099	LÊ NGUYỄN THANH	PHƯỚC	CD11CQ	1		7	9	4	5,3	5	3
60	10151060	VŨ TRUNG	QUẢNG	DH10DC	1		7	8	6	6,5	6	5
61	11333193	TRẦN HUỲNH	QUÝ	CD11CQ	1		8	9	5	6,1	6	1
62	10151028	NGUYỄN TẤN	SIÊU	DH10DC	1		7	9	4	5,3	5	3
63	10151088	ĐỖ KHẮC	SƠN	DH10DC	2		8	9	6	6,8	6	8
64	10151062	LÊ THÀNH	TÀI	DH10DC	2		7	10	4	5,5	5	5
65	10151029	NGUYỄN VĂN	TÀI	DH10DC	2		8	9	6	6,8	6	8
66	09333133	NGUYỄN DƯƠNG	THANH	CD09CQ	2		8	9	5	6,1	6	1
67	10151030	PHAN ĐỨC	THANH	DH10DC	1		7	9	3	4,6	4	6
68	10151057	PHAN HOÀNG	THÀNH	DH10DC	1		7	9	2	3,9	3	9
69	11333153	NGUYỄN THỊ MINH	THẢO	CD11CQ	1		6	9	3	4,5	4	5
70	10151086	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10DC	2		8	9	7	7,5	7	5
71	10151032	LÝ VĂN	THẮNG	DH10DC	1		7	7	3	4,2	4	2
72	10151033	NGUYỄN THIÊN	THẮNG	DH10DC	1		7	7	3	4,2	4	2

Số bài: 83 ; Số tờ: 126

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Tiến Dũng

Phạm Minh Thái

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02541

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10151018	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	DH10DC	2		8	9	6	6,8	6	8
38	11333070	NGUYỄN THÀNH	LỘC	CD11CQ	1		6	9	3	4,5	4	5
39	10151019	VÕ VĂN	LUÂN	DH10DC	2		9	9	8	8,3	8	3
40	10151109	TRẦN THỊ	LUẬN	DH10DC	2		8	9	7	7,5	7	5
41	10151020	HUỲNH MINH	LÝ	DH10DC	1		8	9	5	6,1	6	1
42	10151069	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	DH10DC	1		7	9	5	6,0	6	0
43	10151090	ĐINH CÔNG	MINH	DH10DC	1		7	8	4	5,1	5	1
44	10151021	LÊ NGUYỄN DIỄM	MY	DH10DC	1		8	8	5	5,9	5	9
45	09124056	LƯƠNG HỒNG	NANG	DH09QL	1		8	8	3	4,5	4	5
46	10151022	CHÂU	NGÂN	DH10DC	2		9	10	9	9,2	9	2
47	10151084	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	DH10DC	1		9	9	7	7,6	7	6
48	10151023	TRẦN BÁ LƯƠNG	NHẪN	DH10DC	1		5	9	3	4,4	4	4
49	10124137	HÀ VĂN	NHẬT	DH10QL	2		9	10	9	9,2	9	2
50	10151074	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	DH10DC	2		9	10	8	8,5	8	5
51	10151025	LÊ QUANG	NHỰT	DH10DC	1		7	10	3	4,8	4	8
52	10151106	NGÔ TẤN	NIÊN	DH10DC	1		6	9	0	2,4	2	4
53	10151099	NGUYỄN MINH	PHI	DH10DC	1		6	9	0	2,4	2	4
54	10151087	LÊ THANH	PHONG	DH10DC	1		6	8	2	3,6	3	6

Số bài: 59........; Số tờ: 126.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02541

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10151010	PHAN BÙI THANH	HẢI	DH10DC	2		6	10	5	5,7	5	7
20	10333120	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	CD10CQ	2		8	8	8	8,0	8	0
21	10151008	LÊ ĐẠI ANH	HÀO	DH10DC	1		7	9	6	6,7	6	7
22	10151048	LÝ TRUNG	HIẾU	DH10DC	2		9	9	8	8,3	8	3
23	10151011	MAI HOÀI	HIẾU	DH10DC	1		8	9	6	6,8	6	8
24	10333123	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	CD10CQ	1		9	9	8	8,3	8	3
25	10151055	VƯƠNG THỊ	HIẾU	DH10DC	2		8	9	8	8,2	8	2
26	10151064	NGUYỄN THỊ MỸ	HÒA	DH10DC	1		7	10	4	5,5	5	5
27	11333152	ĐẶNG MINH	HOÀNG	CD11CQ	1		8	9	5	6,1	6	1
28	10151076	LÊ MINH	HOÀNG	DH10DC	1		8	9	7	7,5	7	5
29	10151013	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH10DC	1		8	10	6	7,0	7	0
30	10151098	LƯU THỊ	HUỆ	DH10DC	2		9	9	8	8,3	8	3
31	10151039	ĐỖ THỊ THANH	HUYỀN	DH10DC	2		9	10	9	9,2	9	2
32	09151010	TRƯƠNG DUY	KHƯƠNG	DH09DC	2		7	9	4	5,3	5	3
33	10151059	LÊ HOÀNG	KIM	DH10DC	1		7	9	6	6,7	6	7
34	10151014	PHAN VĂN	LÃNG	DH10DC	2		8	9	5	6,1	6	1
35	10151081	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIỄU	DH10DC	2		8	8	6	6,6	6	6
36	10151016	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	DH10DC	2		9	9	8	8,3	8	3

Số bài: 89 ; Số tờ: 126

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Phạm Tiến Dũng; Phan Minh Hiếu

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Đặng Quang Thịnh

Cán bộ chấm thi 1&2 — Đặng quang Thịnh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02541

R 01/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10151001	NGUYỄN TIẾN	AN	DH10DC	1		7	9	7	7,4	7	4
2	10151042	HỒ NHỰT	ANH	DH10DC	2		8	10	8	8,4	8	4
3	10151095	VÕ QUỐC	ANH	DH10DC	1		8	10	8	8,4	8	4
4	10124010	VŨ TUẤN	ANH	DH10QL	2		9	8	9	8,8	8	8
5	10151043	HUỲNH THỊ NGỌC	ÁNH	DH10DC	2		9	9	9	9,0	9	0
6	11333007	ỪNG VĂN	BẰNG	CD11CQ	2		8	9	6	6,8	6	8
7	10151102	TRẦN THỊ THANH	BON	DH10DC	1		7	9	6	6,7	6	7
8	10151050	ĐÀO HỒ THỊ	DIỆU	DH10DC	2		9	9	9	9,0	9	0
9	10151051	PHÙNG THỊ	DUNG	DH10DC	2		9	9	8	8,3	8	3
10	10151049	LÊ KIÊN	DŨNG	DH10DC	2		9	10	7	7,8	7	8
11	10151040	NGÔ TUẤN	DŨNG	DH10DC	1		8	10	6	7,0	7	0
12	10151005	NGUYỄN LINH	DUY	DH10DC	1		7	8	3	4,4	4	4
13	10151056	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DC	1		7	10	6	6,9	6	9
14	10151006	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DC	2		9	8	7	7,4	7	4
15	10151078	HOÀNG MINH	ĐẮC	DH10DC	1		8	10	6	7,0	7	0
16	10151054	TRẦN	ĐIỀN	DH10DC	1		7	9	5	6,0	6	0
17	10333026	LÊ THANH	HẢI	CD10CQ	1		9	9	8	8,3	8	3
18	10151009	NGUYỄN NGỌC	HẢI	DH10DC	1		7	10	4	5,5	5	5

Số bài: 89 ; Số tờ: 126

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Tiến Dũng

Phan Minh Hiếu

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Tiến

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Tiến

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01445

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 29/04/12 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (20%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124069	LÊ TRƯƠNG QUỐC	HÙNG	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
38	10124067	TRẦN ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	DH10QL			9	8	7	7,4	7	4
39	10124073	DƯƠNG MINH QUẾ	HƯƠNG	DH10QL			9	8	7	7,4	7	4
40	11333057	LÊ TRỌNG	KHÁNH	CD11CQ	1		9	8	6	6,7	6	7
41	09124036	PHAN TRUNG	KHOA	DH09QL			9	8	6	6,7	6	7
42	10124081	NGUYỄN MINH	KHƯƠNG	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
43	11333127	NGUYỄN LƯU QUỐC	KIỆT	CD11CQ			9	8	4	5,3	5	3
44	11333018	TRƯƠNG THỊ THÚY	LAI	CD11CQ			9	8	4	5,3	5	3
45	11333098	PHẠM NGỌC ANH	LÂM	CD11CQ			9	8	5	6,0	6	0
46	10124090	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIÊN	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
47	10124099	DƯƠNG THÚY	LOAN	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
48	10333050	LÊ THỊ KIỀU	LOAN	CD10CQ			9	8	5	6,0	6	0
49	10333045	NGUYỄN TẤN	LỰC	CD10CQ			9	8	7	7,4	7	4
50	11333182	LỮ KIM QUỲNH	MI	CD11CQ			9	8	6	6,7	6	7

Số bài: 48 ; Số tờ: 49

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01445

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/04/12 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (10 %)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124031	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH10QL	2		9	8	6	6,7	6	7
20	~~07124019~~	~~ĐỖ VĂN~~	~~ĐẠI~~	~~DH08QL~~								
21	10124035	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	DH10QL			9	8	4	5,3	5	3
22	11333170	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD11CQ			9	8	4	5,3	5	3
23	11124121	NGUYỄN TOÀN	EM	DH11QL			9	8	4	5,3	5	3
24	11333212	HOÀNG THỊ	HÀ	CD11CQ			9	8	6	5,7	5	7
25	10124043	LÊ THỊ THU	HÀ	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
26	11333021	LÊ THỊ THU	HÀ	CD11CQ			9	8	7	7,4	7	4
27	09125242	VĂN	HẢI	DH09QL			9	8	5	6,0	6	0
28	10124045	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
29	10124051	TRẦN VŨ	HẬN	DH10QL			9	8	7	7,4	7	4
30	11333174	NGUYỄN VĂN	HẬU	CD11CQ			9	8	6	6,7	6	7
31	10124055	BÙI ĐỨC	HIỂN	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
32	11333046	HÀ TUẤN	HIỆP	CD11CQ			9	8	6	6,7	6	7
33	11124165	CHU THỊ BÍCH	HOA	DH11QL			9	8	6	6,7	6	7
34	10333115	DƯƠNG THỊ	HOA	CD10CQ			9	8	6	6,7	6	7
35	10124060	HUỲNH CHÍ	HOÀNG	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
36	11124025	HUỲNH LÊ DIỄM	HỒNG	DH11QL			9	8	4	5,3	5	3

Số bài: 45 ; Số tờ: 49

- *Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01445

Ra 1/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 29/04/12 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124011	HUỲNH THÚY	ÁI	DH10QL			9	7	6	6,5	6	5
2	10124012	NGUYỄN THỊ XUÂN	ÁI	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
3	10124004	LÊ HUỲNH ĐỨC	ANH	DH10QL			9	8	4	5,3	5	3
4	10124005	LÊ NGỌC	ANH	DH10QL			9	8	7	7,4	7	4
5	10151058	LƯU HOÀNG	ANH	DH10DC			9	8	6	6,7	6	7
6	~~11151020~~	~~NGUYỄN HOÀNG CÔNG~~	~~ANH~~	~~DH11DC~~								
7	10151002	TRỊNH THỊ HOÀI	ÂN	DH10DC			10	8	8	8,2	8	2
8	10333040	HOÀNG XUÂN	BÁCH	CD10CQ			9	8	5	6,0	6	0
9	10124275	A DUY	BÁO	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7
10	10124015	BÙI QUỐC	BÁO	DH10QL			9	8	7	7,4	7	4
11	10124017	LƯƠNG THỊ	BÌNH	DH10QL			10	8	8	8,2	8	2
12	11333013	ĐẶNG CHÍ	CÔNG	CD11CQ			9	8	5	6,0	6	0
13	11333015	TRẦN THỊ THU	CÚC	CD11CQ			9	8	6	6,7	6	7
14	10124020	DƯƠNG BIỂN	CƯƠNG	DH10QL			9	8	4	5,3	5	3
15	10124021	TRẦN VĂN	CƯỜNG	DH10QL			9	8	5	6,0	6	0
16	11124005	DƯƠNG NGỌC	DỄ	DH11QL			9	8	5	6,0	6	0
17	10124024	NGUYỄN VĂN	DU	DH10QL			9	8	4	5,3	5	3
18	10124032	TRẦN TIẾN	DŨNG	DH10QL			9	8	6	6,7	6	7

Số bài: 43 ; Số tờ: 49

Lưu ý: Đ1,Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chính

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01464

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 29/04/2012 **Giờ thi:** 07g00 - **phút** Phòng thi TV303 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	11157336	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH11DL	1		9	8	5	6,0	6	0
56	11333087	VÕ QUỐC	TRUNG	CD11CQ	1		9	8	5	6,0	6	0
57	10124230	HUỲNH TRỌNG	TRƯỜNG	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
58	10333004	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	CD10CQ	1		9	8	5	6,0	6	0
59	10124234	LÊ TRỌNG	TUẤN	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
60	10124237	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	DH10QL	1		9	8	7	7,4	7	4
61	11151068	ĐẶNG NGỌC	VĂN	DH11DC	1		9	8	4	5,3	5	3
62	09113220	HÀ QUỐC	VIỆT	DH09QL	1		9	8	4	5,3	5	3
63	10124250	NGUYỄN THÀNH	VINH	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
64	10124251	HOÀNG TRỌNG	VŨ	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
65	11151010	TRƯƠNG QUỐC	VƯƠNG	DH11DC	1		9	8	5	6,0	6	0
66	11124059	LÊ HOÀNG	YẾN	DH11QL	1		9	8	5	6,0	6	0
67	11333137	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	CD11CQ	1		9	8	5	6,0	6	0

Số bài: 67 ; Số tờ: 72

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chính

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01464

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	07124114	TRẦN ĐÌNH	THỦ	DH08QL	1		9	8	5	6,0	6	0
38	07124115	LÊ ĐĂNG	THUẬN	DH08QL	1		9	8	4	5,3	5	3
39	10124194	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	DH10QL	1		9	7	4	5,1	5	1
40	11333202	LƯƠNG THỊ MỸ	TIÊN	CD11CQ	1		9	8	4	5,3	5	3
41	10124211	LÊ THỊ	TRANG	DH10QL	2		9	7	5	5,8	5	8
42	10124213	NGUYỄN HOÀNG KIỀU	TRANG	DH10QL	1		9	8	5	6,0	6	0
43	10124214	NGUYỄN LÊ ĐÀI	TRANG	DH10QL	1		10	8	8	8,2	8	2
44	10124215	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10QL	1		10	8	8	8,2	8	2
45	11333207	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD11CQ	2		10	7	8	8,0	8	0
46	10124216	PHẠM THỊ MỸ	TRANG	DH10QL	1		10	7	8	8,0	8	0
47	10124217	PHÙNG THỊ KIỀU	TRANG	DH10QL	2		9	8	7	7,4	7	4
48	10333144	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	CD10CQ	1		9	7	4	5,1	5	1
49	11333107	LÝ MINH	TRÍ	CD11CQ	1		9	8	5	6,0	6	0
50	10124223	LÊ MINH	TRIẾT	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
51	11157038	NGUYỄN THỊ THÙY	TRIỀU	DH11DL	1		9	8	6	6,7	6	7
52	11333125	HUỲNH THỊ MAI	TRINH	CD11CQ	1		9	8	4	5,3	5	3
53	11333045	LÔ VĂN	TRÌNH	CD11CQ	1		9	8	4	5,3	5	3
54	11151009	HỒ VĂN	TRỌNG	DH11DC	1		9	8	4	5,3	5	3

Số bài: 54 ; Số tờ: 72

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Thuyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chính

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01464

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11124040	HUỲNH VĂN	QUÍ	DH11QL	1		9	8	4	5,3	5	3
20	11333104	NGUYỄN ANH	QUỐC	CD11CQ	1		9	8	4	5,3	5	3
21	11124109	LÊ THỊ	QUỲNH	DH11QL	1		9	8	4	5,3	5	3
22	10124161	PHẠM NHƯ	QUỲNH	DH10QL	1		9	8	5	6,0	6	0
23	11124043	LÊ HOÀNG	SANG	DH11QL	1		9	8	4	5,3	5	3
24	08124065	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	DH08QL	1		9	8	5	6,0	6	0
25	08124066	NGUYỄN MINH	TÂM	DH08QL	1		9	8	4	5,3	5	3
26	11333082	VÕ THỊ	TÂM	CD11CQ	1		9	8	5	6,0	6	0
27	10124170	HỒ MINH	TÂN	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
28	10124181	NGUYỄN QUỐC	THÁI	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
29	10124172	HUỲNH HOÀNG	THAO	DH10QL	1		9	8	6	6,7	6	7
30	10124174	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10QL	1		9	8	6	6,7	6	7
31	10124175	LÊ HUỲNH	THẢO	DH10QL	1		9	8	5	6,0	6	0
32	10333139	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	CD10CQ	2		9	8	7	7,4	7	4
33	11333195	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	CD11CQ	1		9	8	4	5,3	5	3
34	10124179	TRẦN THỊ THU	THẢO	DH10QL	1		9	8	6	6,7	6	7
35	10124182	LÊ CHÍ	THẮM	DH10QL	1		9	8	5	6,0	6	0
36	11157061	LÊ THỊ	THỜI	DH11DL	1		9	8	4	5,3	5	3

Số bài: 67 ; Số tờ: 72

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

Đặng Quang Chính

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01464

R01/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 29/04/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (..%)	Đ2 (..%)	Điểm thi (..%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124116	NGUYỄN THỊ DIỄM	MƠ	DH10QL	1		9	8	5,0	6,0	6	0
2	11333078	TRỊNH ĐÌNH	NAM	CD11CQ	1		9	8	7,0	7,4	7	4
3	11124091	LÝ THỊ	NGA	DH11QL	1		9	8	5	6,0	6	0
4	10124129	PHẠM THỊ	NGỌC	DH10QL	1		9	7	5	5,8	5	8
5	09114134	DANH	NGỘT	CD09CQ	1		9	8	5	6,0	6	0
6	10124131	DƯƠNG THỊ NHƯ	NGUYỆT	DH10QL	1		10	8	8	8,2	8	2
7	11333114	ĐINH THỊ	NHÀI	CD11CQ	1		9	8	6	6,7	6	7
8	10124133	HỨA THỊ NGỌC	NHÂN	DH10QL	1		9	7	7	7,2	7	2
9	10124135	NGUYỄN YẾN	NHÂN	DH10QL	1		9	8	4	5,3	5	3
10	10124138	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	DH10QL	1		9	7	5	5,8	5	8
11	10124273	LÊ THỊ	NHI	DH10QL	1		10	8	8	8,2	8	2
12	10124142	CHÂU HUỲNH	NHUNG	DH10QL	2		10	8	9	8,9	8	9
13	10124145	NGUYỄN THỊ HOÀNG	OANH	DH10QL	1		9	8	6	6,7	6	7
14	10124147	LÊ THANH	PHONG	DH10QL	1		9	8	5	6,0	6	0
15	10151052	THÁI VĂN	PHONG	DH10DC	1		9	7	4	5,1	5	1
16	10124151	LA THỊ THANH	PHÚC	DH10QL	1		10	8	8	8,2	8	2
17	11333093	DANH SỌT	PHƯƠNG	CD11CQ	1		9	8	4	5,3	5	3
18	11333140	BÙI TRUNG	QUÂN	CD11CQ	1		9	8	4	5,3	5	3

Số bài: 67 ; Số tờ: 72

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trường Bộ môn

Đặng Quang Chinh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chinh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02561

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (20 %)	Điểm thi (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124158	ĐẶNG HẢI	QUANG	DH10QL	1		9	8	5,0	6,0	6	0
38	09162017	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	QUANG	DH09GI	1		9	8	6,0	6,7	6	7

Số bài: 33 ; Số tờ: 38

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Nguyễn Mai Anh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chính

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02561

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (60%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10151068	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	MY	DH10DC	1		9	8	5,0	6,0	6	0
20	10124118	LƯU VĂN	NAM	DH10QL	2		9	8	7,0	7,4	7	4
21	10124120	NGUYỄN HOÀI	NAM	DH10QL	1		9	8	5,5	6,4	6	4
~~22~~	~~10124123~~	~~BÙI THỊ~~	~~NGÂN~~	~~DH10QL~~								
23	11333183	VŨ KIM	NGÂN	CD11CQ	1		9	8	6,5	7,1	7	1
24	11333086	LÊ THỊ	NHÀI	CD11CQ	1		9	8	6,0	6,7	6	7
25	10124136	TRẦN THIỆN	NHÂN	DH10QL	1		9	8	5,0	6,0	6	0
~~26~~	~~10151024~~	~~DƯƠNG KHOA YẾN~~	~~NHI~~	~~DH10DC~~								
~~27~~	~~11333092~~	~~NGUYỄN THỊ TUYẾT~~	~~NHI~~	~~CD11CQ~~								
28	10124140	TRẦN MẪN	NHI	DH10QL	1		9	8	4,0	5,3	5	3
29	11333089	TRẦN NGỌC QUỐC	NHI	CD11CQ	1		9	9	4,0	5,5	5	5
30	11157377	ĐẶNG THỊ	NHUNG	DH11DL	1		9	8	4,0	5,3	5	3
31	10124143	LÂM QUỲNH	NHƯ	DH10QL	1		9	8	3,0	4,6	4	6
32	10333151	HUỲNH THỊ	PHÚ	CD10CQ	1		9	8	6,0	6,7	6	7
33	10124149	LÊ VĨNH	PHÚ	DH10QL	1		9	8	6,0	6,7	6	7
34	10333071	LƯƠNG HUYỀN	PHƯƠNG	CD10CQ	1		9	8	3,0	4,6	4	6
35	11333190	NGUYỄN THỊ LINH	PHƯỢNG	CD11CQ	1		9	8	4,0	5,3	5	3
36	11333026	NÔNG THỊ	PHƯỢNG	CD11CQ	1		9	8	3,5	5,0	5	0

Số bài: 33 ; Số tờ: 38

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Nguyễn Mai Anh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chính

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chính

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02561

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bản đồ học (209110) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10333047	PHẠM HH HG MAI DIỄ	HƯƠNG	CD10CQ	1		9	8	6,0	6,7	6	7
2	10124078	DƯƠNG MINH	HỮU	DH10QL	2		10	8	8,0	8,2	8	2
3	09124034	NGUYỄN THỊ TUYẾT	KHA	DH09QL	1		9	8	7,0	7,4	7	4
~~4~~	~~10135047~~	~~HOÀNG~~	~~KHẢI~~	~~CD11CQ~~								
5	10151080	ĐẶNG THỊ HỒNG	KHANH	DH10DC	2		9	8	7,5	7,8	7	8
6	11333121	HÀ ĐỨC	KHANH	CD11CQ	1		9	8	5,0	6,0	6	0
7	09124043	NGÔ THANH	LAI	DH09QL	1		9	8	3,5	5,0	5	0
8	10124083	LÊ HẠ	LAM	DH10QL	1		9	8	5,0	6,0	6	0
9	10124084	NGUYỄN LÊ THANH	LAM	DH10QL	2		10	7	8,0	8,0	8	0
10	10124087	ĐẶNG THỊ THÙY	LIÊN	DH10QL	1		9	7	3,0	4,4	4	4
11	10124088	NGÔ THỊ BÍCH	LIÊN	DH10QL	2		10	8	8,5	8,6	8	6
12	10124272	HUỲNH VŨ BẢO	LINH	DH10QL	1		9	8	6,5	7,1	7	1
13	10124101	PHẠM THỊ BÍCH	LOAN	DH10QL	1		9	8	3,0	4,6	4	6
14	10124104	PHẠM PHƯỚC	LỘC	DH10QL	1		9	8	3,5	5,0	5	0
15	10124108	HỒ THỊ LY	LY	DH10QL	1		9	7	5,0	5,8	5	8
~~16~~	~~11333085~~	~~LÊ THỊ YẾN~~	~~LY~~	~~CD11CQ~~								
17	11333076	ĐẶNG HOÀNG	MINH	CD11CQ	1		9	8	3,5	5,0	5	0
18	09124054	NGUYỄN THANH	MÙI	DH09QL	1		9	8	5,5	6,4	6	4

Số bài: 33 ....; Số tờ: 38.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Nguyễn Mai Anh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Chinh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Quang Chinh

Ngày tháng năm